

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH LỚP 3 NGƯỜI STIÊNG (Trường hợp ở huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước) HỒ XUÂN MAI* - ĐẶNG THỊ KIM PHƯƠNG**

TÓM TẮT: Tất cả học sinh từ khi bước vào lớp 1 đã phải học và sử dụng tiếng Việt. Tuy nhiên, năng lực ngôn ngữ quốc gia này của học sinh lớp 3 người Stiêng ở Phú Riềng, Bình Phước chưa đạt yêu cầu. Nguyên nhân từ đâu? Bài viết sẽ phân trả lời cho câu hỏi trên.

TỪ KHÓA: năng lực; học sinh Stiêng; sử dụng; hạn chế; kĩ năng.

NHẬN BÀI: 02/03/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 08/04/2023

1. Dẫn nhập

Nửa đầu tháng 3 năm 2023 chúng tôi có một đợt khảo sát năng lực tiếng Việt của học sinh (HS) lớp 3 người Stiêng ở huyện Phú Riềng, Bình Phước để phục vụ cho đề tài cấp Bộ của chúng tôi: “Việc dạy và học môn tiếng Việt bậc Tiểu học đối với học sinh dân tộc Stiêng và Khmer ở Nam Bộ trong bối cảnh chuyển đổi số”. Bài viết này là một phần kết quả của đợt khảo sát.

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, ngôn ngữ giáo dục. Ngay từ khi bước vào lớp 1, tất cả HS đều phải học ngôn ngữ này. Nếu không, các em sẽ không thể học bất cứ môn học nào khác, lại càng không thể học tiếp những lớp, bậc cao hơn. Đây là lí do tại sao môn tiếng Việt ở lớp 1 nói riêng, bậc Tiểu học nói chung, có số tiết nhiều hơn tất cả những môn học khác. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, HS người Stiêng ở Phú Riềng, Bình Phước sử dụng tiếng Việt chưa đạt yêu cầu, ngay trong phạm vi trường học. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy hơn một nửa HS dân tộc Stiêng dưới trung bình môn tiếng Việt, ở tất cả các kĩ năng. Riêng với HS lớp 3, đối tượng của đề tài cấp Bộ, tất cả 4 kĩ năng *nghe-viết*, *nhìn-viết*, *tự viết* (làm văn) và *nhìn-đọc* rất đáng để chúng ta suy nghĩ. Hai kĩ năng *nghe-viết* và *tự viết* có kết quả dưới trung bình rất xa. Trong đó, *tự viết* là kĩ năng kém nhất: 47/60 HS dưới trung bình; 43/60 HS chỉ đạt 3 điểm trong 30 phút viết-trong đó có 16/43 em chỉ có thể viết được trung bình là 9 từ/30 phút. Kết quả khảo sát ở Đồng Xoài tuy có khả quan hơn nhưng vẫn không đạt như yêu cầu. Nguyên nhân từ đâu? Đây chính là nội dung-phạm vi khảo sát của bài viết này.

Phạm vi không gian khảo sát của bài viết này là Trường Tiểu học Long Hà C huyện Phú Riềng và Trường Tiểu học Tân Xuân C, TP Đồng Xoài, Bình Phước. Chọn hai địa phương này bởi số HS người Stiêng ở đây rất đông và nhiều nhất trong 11 huyện/ thị, thành phố, đảm bảo được số lượng khảo sát. Phần lớn HS ở hai nơi này học hai buổi nên số tiết và thời lượng môn Tiếng Việt nhiều hơn so với những nơi khác.

Ở mỗi trường, chúng tôi chọn 30 HS người Stiêng và 30 HS người Kinh để làm đối chứng; không phân biệt giới. Như vậy, tổng cộng số HS khảo sát là: (30 HS lớp 3 người Stiêng/1 trường x 2 trường = 60 HS) + (30 HS lớp 3 người Kinh/1 trường x 2 trường = 60 HS người Kinh) = 120 HS.

Về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát nửa đầu tháng 3, tức giữa học kỳ 2 năm học 2022-2023. Lí do là lúc này đang chuẩn bị bước vào ôn tập để thi học kỳ, nên năng lực và các kiến thức về tiếng Việt trong năm học của các em đã hoàn chỉnh.

Nội dung khảo sát lấy từ sách giáo khoa (SGK) và gồm hai phần: đang học và chưa học. Riêng đề Tập làm văn thì chúng tôi đưa ra một đề về miêu tả đồ vật (chủ đề tuần 26).

Tại sao không chọn những lớp khác? Một, với lớp 1 và 2, yêu cầu của môn tiếng Việt là tích lũy từ, biết viết và viết đúng; đọc lưu loát còn các kĩ năng khác không phải là trọng tâm. Hai, với HS lớp 4 và 5, yêu cầu môn tiếng Việt là phải hoàn chỉnh văn bản viết; biết diễn đạt và sử dụng tốt các loại câu, kiểu câu. Nhưng để đáp ứng được những yêu cầu này, HS phải biết viết đúng các loại và kiểu câu. Đây chính là trọng tâm của khối 3 và đó là lí do tại sao chúng tôi chọn khối này để khảo sát, với

* TS; Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ; Email: xuanmainam@yahoo.com

** Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Email: dangthikimphuong@iuh.edu.vn

4 kỹ năng là *nghe-viết*, *nhìn-viết*, *tự viết* (làm văn) và *nhìn-đọc*. Cụ thể, chúng tôi đưa ra một đề Tập làm văn có trong sách giáo khoa (SGK) và một đề tương tự, không có trong sách giáo khoa (SGK) và yêu cầu các em thực hiện trong thời gian 30 phút/1 đề. Riêng *nghe-viết* và *nhìn-viết* thì chỉ 10 phút cho mỗi yêu cầu. Với kỹ năng *nhìn-đọc*, chúng tôi sử dụng SmartPhone để tính thời gian (đo tốc độ đọc) và đánh dấu những từ HS đọc sai, lặp hoặc phải đánh vần. Cả ba hạn chế này đều được xem là lỗi khi đọc.

Sau khi kết thúc một yêu cầu, HS được ra chơi theo quy định.

Để tránh tâm lý sợ sệt ở các em, chúng tôi nhờ giáo viên đứng lớp thực hiện khảo sát. Vì mục đích của chúng tôi là khảo sát năng lực viết câu (số lượng câu đúng-đủ các thành phần chính, diễn đạt trọn ý; số âm tiết trong một câu-theo Thông tư 22) của đối tượng nên vấn đề diễn đạt đối với kỹ năng *tự viết* (Tập làm văn) không được đề cập. Ngoài ra, các kiểu câu, loại câu cũng không được khảo sát vì chúng tôi cho rằng điều này không thật sự cần thiết đối với HS lớp 3.

SGK được sử dụng là bộ Tiếng Việt-3, bộ “Chân trời sáng tạo”, tập 2, Nxb GDVN, năm 2022.

2. Khái niệm “năng lực”, “năng lực ngôn ngữ” và “kỹ năng ngôn ngữ”

Theo định nghĩa của *Từ điển tiếng Việt* (2003), thì “*năng lực (ability) là khả năng làm việc tốt*”, chẳng hạn như “*năng lực cán bộ, năng lực làm việc*”, v.v. Nó thuộc cái bên trong của mỗi người, tức khả năng vốn có.

Còn năng lực ngôn ngữ (competence) là “... *trong ngôn ngữ có một cơ chế sáng tạo, không phụ thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp. Đó là năng lực ngôn ngữ của người nói (...), được hình thành từ rất sớm, ngay từ khi còn rất nhỏ*” (Nguyễn Đức Dân, 1986, tr.227). Nói cách khác, đó là khả năng sử dụng ngôn ngữ khi không phụ thuộc vào hoàn cảnh, điều kiện giao tiếp; là *năng lực ngôn ngữ phổ quát*, mọi người đều có. Nó khác với *sự thực hiện ngôn ngữ* (performance). Bởi, sự thực hiện ngôn ngữ là cách thức một người thể hiện cái vốn có; là cái thực tế, cụ thể hóa năng lực ngôn ngữ, biểu hiện cụ thể của năng lực ngôn ngữ. Nó thuộc kỹ năng ngôn ngữ (skill). Khi sử dụng ngôn ngữ ở dạng chủ động, tức tìm cách diễn đạt sao cho hiệu quả nhất, bắt buộc chúng ta phải cần tới các kỹ năng như thay đổi cấu trúc, thay đổi các hình thức ngữ pháp có sẵn (ngữ pháp tự nhiên), lựa chọn từ ngữ, v.v. Đó là kỹ năng. Nó chỉ xuất hiện ở một số người và hoàn toàn không giống nhau giữa các cá nhân. Một cá nhân có cả hai loại năng lực này nhưng khi xem xét năng lực ngôn ngữ của một người, chủ yếu chỉ xét ở năng lực thứ hai.

Nhiều yếu tố tác động đến năng lực ngôn ngữ, như kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và thái độ, tình cảm-tâm lý của một người đối với ngôn ngữ mình đang sử dụng.

Kiến thức ngôn ngữ gồm có những hiểu biết về chính tả, từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp-ngữ nghĩa và ngữ âm-ngữ nghĩa, nguồn gốc cũng như ngữ hệ của một ngôn ngữ. Khi học một ngôn ngữ mà nắm vững những yếu tố trên được xem là có kiến thức về ngôn ngữ đó.

Nhưng đó chỉ là kiến thức. Còn sử dụng những kiến thức đó như thế nào để đạt hiệu quả giao tiếp thuộc về kỹ năng, tức kỹ năng ngôn ngữ. Vì nguồn gốc và ngữ hệ của một ngôn ngữ chỉ là cơ sở để đánh giá, phân loại ngôn ngữ chứ không phải để sử dụng nó trong giao tiếp nên khi nói tới kỹ năng trong ngôn ngữ, người ta thường không chú ý đến hai yếu tố này. Do vậy, nói đến kỹ năng ngôn ngữ, thực tế chỉ là bốn yếu tố còn lại (Council of Europe, 1967; mục A₁).

Năng lực chính tả là khả năng sử dụng nó ở mức độ đúng-sai theo chuẩn ngôn ngữ được cơ quan có thẩm quyền quy định.

Năng lực từ vựng-ngữ nghĩa là mức độ hiểu nghĩa của từ, các hình thức và phạm vi sử dụng nó để tạo thành câu. Thông qua đó, chúng ta xác định được vốn từ của một người. Và, với câu, tùy vào bậc học, trình độ, hoàn cảnh giao tiếp mà yêu cầu về sử dụng câu có khác nhau. Đối với HS bậc Tiểu học thì yêu cầu này ở mức độ đơn giản, miễn sao viết câu đúng ngữ pháp, có nghĩa và diễn đạt ý nghĩ của mình hoặc/ và tái hiện được những gì đã nghe, tiếp xúc. Do đó, với bậc học này, chương trình không đòi hỏi phải viết những câu cầu kỳ, nhiều mệnh đề. Yêu cầu đầu tiên và bắt buộc là các em phải viết/ nói đúng và đủ các thành phần câu, có nghĩa; hiểu và có thể sử dụng được các loại câu để giao tiếp (Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22-9-2016). Cho nên, đánh giá kỹ năng viết câu của đối tượng này cũng chỉ xoay quanh ba yêu cầu vừa nêu.

Năng lực ngữ âm-ngữ nghĩa đòi hỏi người học phải nghe đúng, hiểu và tái hiện lại được bằng lời và viết. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, yêu cầu này có rất nhiều loại: lặp lại, đọc văn bản, đối thoại, v.v. Khảo sát HS phải thực hiện tất cả những khâu này. Tuy nhiên, chỉ yêu cầu đọc văn bản thường được chú ý nhiều hơn, với hai nội dung: tốc độ đọc (nhằm kiểm tra khả năng nhận biết/ nhớ mặt chữ, khả năng hiểu từ và các khuyết tật bẩm sinh của bộ máy cấu âm) và mức độ chính xác khi đọc.

Năng lực viết được thể hiện qua viết chính tả, đặt câu, viết câu và tốc độ viết. Do đó, trong các khảo sát về năng lực ngôn ngữ, nó không được khảo sát độc lập.

Trên đây là những khái niệm và là tiêu chí khi đánh giá năng lực ngôn ngữ của một đối tượng. Khảo sát *nghe-viết*, *nhìn-viết*, *tự viết* (làm văn) và *nhìn-đọc* của HS lớp 3 dân tộc Stiêng, chúng tôi không yêu cầu HS phải đáp ứng tất cả những tiêu chí của các kĩ năng trên, mà chỉ cần viết được và viết đúng (với kĩ năng *tự viết* (làm văn)), nghe và nhìn viết đúng; đọc đúng và đủ âm tiết.

Có nhiều cơ sở đánh giá năng lực ngôn ngữ. Chúng tôi dựa vào “*Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*” của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2016; “*Common European Framework of Reference- (CEFR-Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu)*”, “*American Council on the Teaching of Foreign Languages*” (ACTFL-Hội đồng giảng dạy ngoại ngữ hoa Kỳ) của Mỹ và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo¹ (đối chiếu với các thông tư trước đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 36/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017, Thông tư 30/2014, ngày 28/8/2014 và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT) để tham khảo.

3. Nội dung khảo sát

3.1. Tự viết (Tập làm văn)

a-Em hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 7 đến 9 câu) tả một đồ vật em thường dùng khi đi học. (SGK, tr.69).

b-Em hãy tả cái bàn học ở lớp.

3.2. Nghe-viết

a-Sương mù tan dần. Mây như một đàn cừu tản đi và dưới bầu trời quang đãng, mùa xuân thực sự đã hiện ra. Mặt trời chói lọi mọc lên, nuốt dần lớp băng mỏng phủ trên mặt nước. Khắp nơi âm áp, muôn loài trên mặt đất như hồi sinh. (“Mùa xuân đã về”, Tiếng Việt 3, NXBGDVN, 2022, tập 2, trang 66; tuần 26. Đoạn 1 này có 51 từ).

b-Mùa đông đã về thực sự rồi.

Mây từ trên cao theo các sườn núi trườn xuống, chốc chốc lại gieo một đợt mưa bụi trên những mái lá chít bạc trắng. Hoa oải hương vàng hoe từng vạt dài ẩn hiện trong sương bên sườn đồi. (“Cảnh làng Dạ”, Tiếng Việt 3, NXBGDVN, 2022, tập 2, tr.89; tuần 29. Đoạn 1 này có 47 từ).

Chúng tôi cũng sử dụng hai đoạn này để HS *Nhìn-viết* và *Nhìn-đọc*.

4. Kết quả khảo sát

4.1. Năng lực năng viết câu

Khảo sát 60 bài Tập làm văn của HS người Stiêng và 60 bài của HS người Kinh tại hai trường, thời gian 30 phút. Kết quả như bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo sát năng lực viết câu của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đề có trong SGK)

Trường	Đối tượng	Tổng số câu/ 30 bài	Trung bình số câu/1 bài	Trung bình số câu đúng/ 1 bài	Tốc độ trung bình (làm tròn)	Độ dài trung bình/1 câu		
						có 3 từ	có 5 từ	trên 5 từ
Long Hà C	HS Stiêng	195	6,5	4	5p/1 câu		4	
	HS người Kinh	240	8	5	4p/1 câu		5	
Tân Xuân C	HS Stiêng	210	7	5	4,5p/1 câu		5	
	HS người Kinh	255	8,5	7	4p/1 câu		4	3

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Bảng 2. Kết quả khảo sát năng lực viết câu của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (không có trong SGK)

Trường	Đối tượng	Tổng số câu/ 30 bài	Trung bình số câu/1 bài	Trung bình số câu đúng/1 bài	Tốc độ trung bình (làm tròn)	Độ dài trung bình/1 câu		
						có 3 từ	có 5 từ	trên 5 từ
Long Hà C	HS Stiêng	171	5,7	3	5p/1 câu		3	0
	HS người Kinh	174	5,8	5	5p/1 câu		4	1
Tân Xuân C	HS Stiêng	163	5,4	4	5p/1 câu		4	
	HS người Kinh	165	5,5	4,5	5p/1 câu		3	2

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Nhận xét:

1. Tốc độ viết của HS Stiêng lẫn người Kinh đều quá chậm, trung bình là 7 câu/1 bài và 5 phút/1 câu với đề bài có sẵn trong SGK. Với đề bài không có sẵn, con số đó là 6 câu/1 bài và 5p/1 câu. Nếu chia thời gian này cho số từ có trong câu, chúng ta thấy có một điều đáng lo ngại: trung bình, mỗi phút các em chỉ viết được một từ².

2. Khác biệt về năng lực viết giữa các đối tượng không quá lớn và HS Stiêng chỉ kém hơn ở mức rất nhỏ so với HS người Kinh. Như vậy, có thể nói rằng năng lực viết của HS lớp 3 ở khu vực này là chưa tốt.

3. Nhìn vào số câu/30 bài/mỗi đề, chúng ta thấy khi thực hiện đề bài có sẵn trong SGK, HS của cả hai tộc người đều viết được và viết tốt hơn so với khi thực hiện đề bài ngoài SGK. Theo chúng tôi, có thể với đề trong SGK, HS hoặc đã được làm (đọc/ hướng dẫn trước) còn với đề ngoài SGK thì ngược lại nên có kết quả như trên.

4. Điều khá thú vị là ở cả hai đối tượng, hai đề khác nhau, hầu hết các em đều viết được trung bình là 5 từ/1 câu. Điều này chứng tỏ, với tiết Tập làm văn, HS chỉ làm một nhiệm vụ là chép lại, kê/ tả lại những gì đã được đọc/ dạy từ trước.

4.2. Năng lực nghe-viết

Chúng tôi sử dụng hai đoạn (a) và (b) và nhờ giáo viên đứng lớp đọc. Với đoạn a, HS phải viết 51 từ/10 phút và 47 từ/10 phút với đoạn b, đúng với quy định³. Giáo viên đọc 3 lần/1 câu (không đọc lại sau khi kết thúc). Kết quả như dưới đây.

Bảng 3. Kết quả khảo sát năng lực nghe-viết của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn văn đã học)

Trường	Đối tượng	Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$	% đạt yêu cầu
Long Hà C	HS Stiêng	13	9	8		100%
	HS người Kinh	18	9	3		100%
Tân Xuân C	HS Stiêng	14	12	4		100%
	HS người Kinh	21	5	4		100%

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Bảng 4. Kết quả khảo sát năng lực nghe-viết của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn văn đã học)

Trường	Đối tượng	Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$	% đạt yêu cầu
--------	-----------	----------------	--------------------	--------------------	--------------------	---------------

Long Hà C	HS Stiêng	7	9	7	7	77% (làm tròn)
	HS người Kinh	11	12	3	4	87% (làm tròn)
Tân Xuân C	HS Stiêng	9	10	6	5	83% (làm tròn)
	HS người Kinh	10	6	5	9	70% (làm tròn)

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Nhận xét:

1. Với kĩ năng *nghe-viết*, cả hai đối tượng đều đạt ở mức độ cao. Cách biệt giữa HS người Stiêng và người Kinh không quá lớn. Tuy nhiên, vì sao vẫn có số HS chỉ viết đúng $\frac{1}{2}$ số từ đã học? Phải chăng nhiều từ quá khó, khiến các em không thể nhớ? Hay vì lí do nào khác? Cần lưu ý là đoạn văn được trích thuộc tuần 26, tức sát ngày thi học kỳ 2. Vậy tại sao có thực trạng trên?

2. Với đoạn trích chưa học, tình hình càng đáng suy nghĩ hơn, bởi ngoài thực tế nhiều HS của cả hai đối tượng chỉ đúng $\frac{1}{2}$ /47 từ thì có rất nhiều em chỉ đúng được $\frac{1}{3}$. Nếu cộng cả 3 cột có từ sai (đúng $\frac{2}{3}$, $\frac{1}{2}$, và $\frac{1}{3}$), số HS viết sai là $\frac{3}{2}$, tức 20/ 30 HS/1 đối tượng. Nghe-viết là viết chính tả. Chúng ta nghĩ gì về con số này?

3. Cũng từ bảng 2 và 3, chúng ta thấy HS người Kinh cũng viết chưa đạt. Có phải đây là tình hình chung của HS ở khu vực khi nghe-viết?

4.3. Năng lực nhìn-viết

Chúng tôi sử dụng lại hai đoạn văn trong (4.2.). Kết quả như dưới đây.

Bảng 5. Kết quả khảo sát năng lực nhìn-viết đoạn đã học của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn văn đã học)

Trường	Đối tượng	Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$	% đạt yêu cầu
Long Hà C	HS Stiêng	13	9	8		100%
	HS người Kinh	15	12	3		100%
Tân Xuân C	HS Stiêng	14	10	6		100%
	HS người Kinh	14	11	5		100%

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Bảng 6. Kết quả khảo sát năng lực nhìn-viết của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn văn chưa học)

Trường	Đối tượng	Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$	% đạt yêu cầu
Long Hà C	HS Stiêng	9	11	9	1	97% (làm tròn)
	HS người Kinh	11	16	3		100%
Tân Xuân C	HS Stiêng	9	13	6	2	93% (làm tròn)
	HS người Kinh	14	6	8	2	93% (làm tròn)

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Nhận xét:

1. Có nhiều HS chỉ đúng $\frac{1}{2}$ khi nhìn viết lại đoạn văn đã học. Trong số này có nhiều em viết đúng hoàn toàn nhưng viết không kịp, chứng tỏ tốc độ viết của các em quá chậm (xem 1.1.)

2. Bảng 5 và 6 cho thấy không trường nào dưới trung bình bởi tất cả đều đạt từ một nửa. Tuy nhiên, nếu tính số HS mắc lỗi thì con số chiếm gần $\frac{2}{3}$. Nói cách khác, kết quả của (3.3.) cũng không khả hơn (3.1.) và (3.2.).

4.4. Năng lực nhìn-đọc

Chúng tôi sử dụng hai đoạn văn trong (4.2.) để HS đọc. Như vậy, trước khi *nhìn-đọc*, HS đã được ôn lại qua (4.2.) và (4.3.). Theo quy định, tốc độ đọc của HS lớp 3 là 30 từ/1 phút.

Kết quả như dưới đây.

Bảng 7. Kết quả khảo sát năng lực nhìn-đọc của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn đã học)

Trường	Đối tượng	Kết quả đọc				Trung bình thời gian đọc	% đạt yêu cầu
		Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$		
Long Hà C	HS Stiêng	16	12	2		9 phút	100%
	HS người Kinh	21	9			4 phút	100%
Tân Xuân C	HS Stiêng	14	10	6		9 phút	100%
	HS người Kinh	24	6			6 phút	100%

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Bảng 8. Kết quả khảo sát năng lực nhìn-đọc của HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh (đoạn chưa học)

Trường	Đối tượng	Kết quả đọc				Trung bình thời gian đọc	% đạt yêu cầu
		Đúng hoàn toàn	Đúng $\frac{2}{3}$	Đúng $\frac{1}{2}$	Đúng $\frac{1}{3}$		
Long Hà C	HS Stiêng	6	8	5	11	11	100%
	HS người Kinh	12	15	3		6	100%
Tân Xuân C	HS Stiêng	7	10	12	1	13	100%
	HS người Kinh	17	10	3		6	100%

Nguồn: Tác giả khảo sát và thống kê

Nhận xét:

1. Khác với (4.2.) và (4.3.), kết quả trong (4.4.) có sự phân biệt rất rõ giữa HS người Kinh và người Stiêng. Theo đó, tốc độ đọc của HS người Kinh nhanh hơn gấp đôi so với HS người Stiêng, ở cả văn bản đã học lẫn chưa học. Cơ sở lý giải cho kết quả này là HS người Kinh chỉ sử dụng duy nhất tiếng Việt ở tất cả các không gian và môi trường giao tiếp, trong khi đó HS người Stiêng chỉ sử dụng tiếng Việt chủ yếu ở trường. Chính môi trường và điều kiện giao tiếp đã giúp cho HS người Kinh nói nhanh hơn, đọc nhanh hơn so với HS người Stiêng⁴. Như vậy, học một thứ tiếng, nói mới là kỹ năng quan trọng nhất.

2. Cả hai đối tượng đều chưa đọc đúng hoàn toàn. Điều này đồng nghĩa với năng lực đọc của các em chưa thật sự tốt. Nếu so sánh giữa hai bảng 7 và 8, chúng ta thấy kết quả đọc văn bản mới chỉ bằng một nửa so với văn bản đã học, ở tất cả các tiêu chí. Gọi là văn bản mới bởi các em chưa được học trên lớp nhưng thực tế vốn từ hoàn toàn không mới. Vậy, tại sao các em đọc chậm và sai nhiều? Kết hợp giữa bảng 7 và 8, chúng ta thấy nguyên nhân là do các em không thường xuyên đọc nên khi gặp văn bản lạ thì không nhận ra mặt chữ, đọc sai.

5. Kết luận và khuyến nghị

1. Từ kết quả trên, chúng ta thấy HS lớp 3 người Stiêng và người Kinh ở Phú Riềng và Đồng Xoài, Bình Phước còn nhiều hạn chế khi học tiếng Việt. Chúng ta phải trả lời vì sao nhiều HS của cả hai đối tượng trung bình? Nếu thực trạng này không được cải thiện thì những năm tiếp theo những đối tượng này sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

2. Với HS dân tộc thiểu số nói chung, HS người Stiêng ở Bình Phước nói riêng, cần kịp thời có những giải pháp để khắc phục thực trạng trên. Và, theo chúng tôi, một trong những giải pháp đó là nên tăng cường tiếng Việt tiên học đường cho đối tượng; thiết thực và hiệu quả hơn. Đồng thời cần điều chỉnh mục tiêu môn học cũng như phương pháp giảng dạy để có kết quả tốt hơn.

3. Từ (4.3.) có thể rút ra kết luận cho việc học ngôn ngữ thứ hai: phải thường xuyên đọc, nói trong đó *nói là kỹ năng quan trọng nhất*, bởi nó quyết định cho sự thành công hay thất bại đối với người học. Và như vậy, chúng ta thấy phương pháp và mục tiêu dạy tiếng nói chung hiện nay có vấn đề. Nếu không sớm khắc phục những hạn chế hiện tại, việc dạy tiếng sẽ tiếp tục thất bại.

Chú thích:

¹ Thông tư 27 hiện hành không quy định cụ thể số từ/ âm tiết phải đọc, viết/ 1 phút, mà giáo viên dạy lớp căn cứ tình hình thực tế để đánh giá. Do vậy, chúng tôi phải tham khảo những thông tư đã có đối so sánh, đối chiếu.

² Theo quy định hiện tại, mỗi phút HS lớp 4 phải viết được: Giữa kì 1: 75 chữ/15p; - Cuối kì 1: 80 chữ/15p; - Giữa kì 2: 85 chữ/15p; - Cuối kì 2: 90 chữ/15p. Lớp 3: 60 chữ-65 chữ-70 chữ -75 chữ và dao động trong phạm vi +5 nếu chậm và -5 nếu nhanh.

³ Xem chú thích 3.

⁴ Chúng tôi không tính đến những trường hợp được gia đình cho học thêm cũng như điều kiện và phương tiện sách vở, tài liệu tham khảo của HS người Kinh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT về *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28/8/2014 về *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 *Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
5. Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên) (2022), *Tiếng Việt 3*, tập 1 và 2; Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. Hội đồng châu Âu (Council of Europe), *Common European Framework of Reference (CEFR- Khung tham chiếu chung năng lực học ngoại ngữ châu Âu)*, 1987.
7. Hội đồng Giáo dục Ngoại ngữ Mỹ, *The American Council on the Teaching of Foreign Languages (ACTFL)*, 1967 và 2014.
8. Nguyễn Đức Dân (1986), *Năng lực ngôn ngữ và sự thực hiện ngôn ngữ*, trong “*Ngôn ngữ học: Khuyên hướng-Lĩnh vực-Khái niệm*”. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Ability in Vietnamese language of Stiêng (Case of Phú Riềng distric, Bình Phước province)

Abstrast: All the elemetary pupils must study and use Vietnamese language. But this ability of Stiêng pupils in 3rd grade (Phú Riềng, Bình Phước province) is limited. Why? This draft shown us the reasons.

Key words: ability; Stiêng; pupil; use; limit; skills.